

CSS



# Phân loại CSS

1. **Inline Style Sheet** (Nhúng CSS vào tag HTML)
2. **Internal Style Sheet** (Nhúng CSS vào trang web)
3. **Linking Style Sheet (External)** (Liên kết CSS với trang web)



# Inline CSS

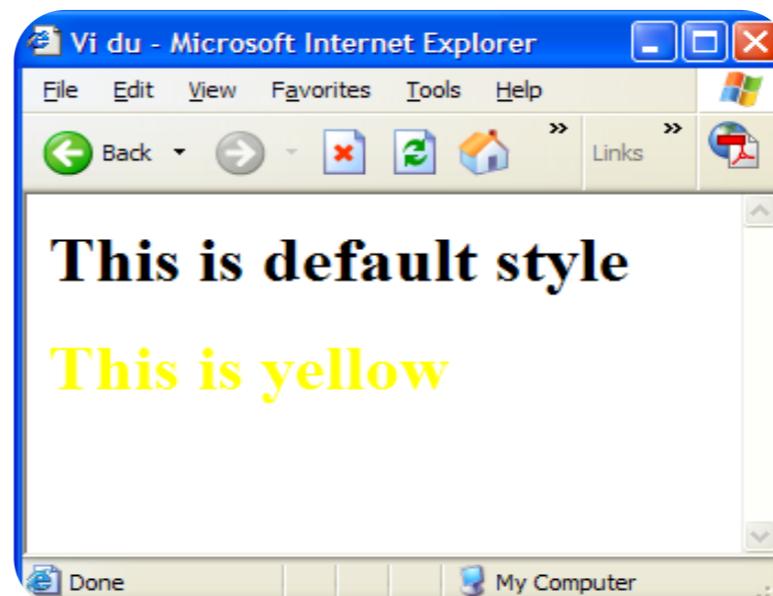
- Định nghĩa style trong thuộc tính style của từng thẻ HTML.

```
<tag style = "property1:value1;...propertyN:valueN;">  
... </tag>
```

- Chỉ ảnh hưởng trong phạm vi của thẻ

- Ví dụ:

```
<H1 STYLE="color: yellow">  
    This is yellow  
</H1>
```



# Internal CSS

- Còn gọi là Embedding Style Sheet
- Định nghĩa `<style>` nhúng trong thẻ `<head>` của trang HTML
- Có khả năng ảnh hưởng trong phạm vi của trang HTML

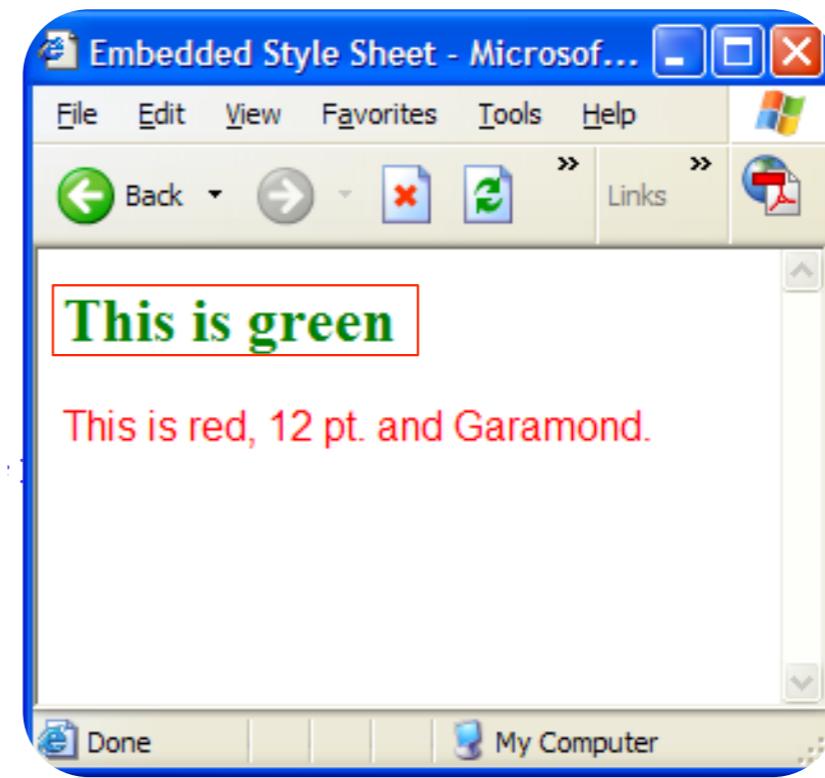
```
<head>
  <style type="text/css" media="all | print | screen" >
    <!--
      SelectorName {
        property1:value1;
        property2:value2;
        .....
        propertyN:valueN; }
    -->
  </style>
</head>
```



# Internal CSS

```
<HTML>
<HEAD>
    <TITLE>
        Embedded Style Sheet
    </TITLE>

    <STYLE TYPE="text/css">
        P {color: red;
           font-size: 12pt;
           font-family: Arial;}
        H2 {color: green;}
    </STYLE>
</HEAD>
<BODY BGCOLOR="#FFFFFF">
    <H2>This is green</H2>
    <P>This is red, 12 pt. and
       Garamond.</P>
</BODY>
</HTML>
```



Học lập trình trực tuyến tại [myclass.vn](http://myclass.vn)



# Linking CSS - External CSS

- Còn được gọi là External Style Sheet
- Định nghĩa style trong file có phần mở rộng là \*.CSS
- Có khả năng ảnh hưởng trong phạm vi nhiều trang HTML có liên kết tới nó

```
<head>
    <link rel="stylesheet" href="URL" type="text/css">
</head>
```



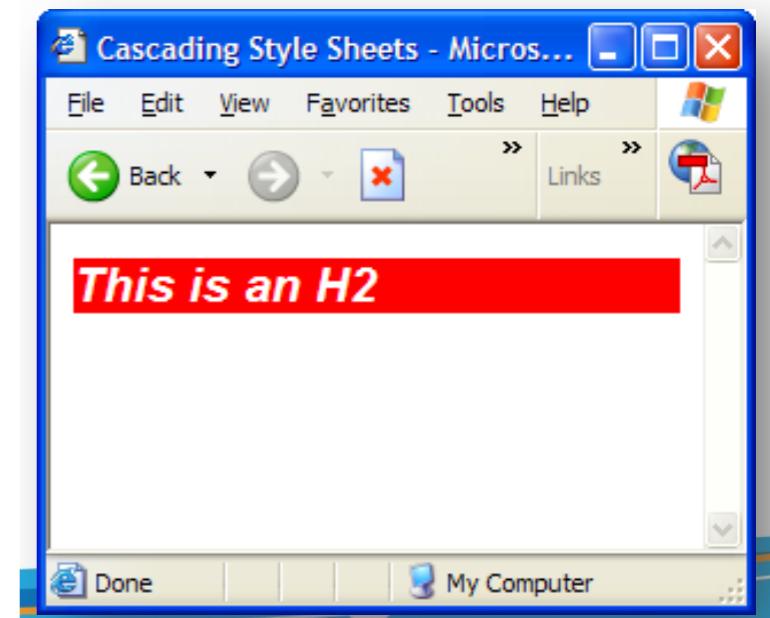
# Linking CSS - External CSS - Ví dụ

Trong tập tin **MyStyle.CSS**

```
H2  
{  
    FONT-WEIGHT: bold;  
    FONT-SIZE: 16pt;  
    COLOR: white;  
    FONT-STYLE: italic;  
    FONT-FAMILY: Arial;  
    BACKGROUND-COLOR: red;  
}
```

Trong trang Web : **demo.htm**

```
<html>  
    <head>  
        <title>Cass.....</title>  
        <link HREF="MyStyle.css"  
              REL="stylesheet" >  
    </head>  
    <body>  
        <h2>This is an H2 </h2>  
    </body>  
</html>
```



# Thuộc tính “**value**” sẽ xác định giá trị của thẻ **input**

Nó được sử dụng trong những loại thẻ input khác nhau:

- Đối với type là “**button**”, “**reset**”, “**submit**” thì nó xác định là **text thi** trên button
- Đối với type là “**text**”, “**password**” và “**hidden**” thì nó xác định đó là giá trị khởi tạo hay giá trị mặc định ban đầu của trường input này.
- Đối với type là “checkbox”, “radio”, “image”, nó sẽ xác định giá trị tương ứng cho các thẻ input và các giá trị này cũng sẽ được gửi khi nhấn submit.

# Thuộc tính “**value**” trong thẻ input - Ví dụ

```
<html>
```

```
<body>
```

```
<form action="demo_form.asp">
```

Nhập tên: **<input type="text" name="fname" value="Song">**<br>

Nhập họ **<input type="text" name="lname" value="Lê">**<br>

**<input type="submit" value="Gửi dữ liệu">**

```
</form>
```

```
</body>
```

```
</html>
```



The screenshot shows a web form with a light gray background. It contains two text input fields and one submit button. The first text input field is labeled "Nhập tên:" and contains the value "Song". The second text input field is labeled "Nhập họ:" and contains the value "Lê". Below these fields is a submit button labeled "Gửi dữ liệu".



# Thuộc tính “name” trong thẻ input

- Thuộc tính “name” dùng để chỉ định tên cho thẻ input
- Được sử dụng trong việc xử lý Javascript và dùng để tham chiếu nhận dữ liệu trong form sau khi submit



# Thuộc tính “name” trong thẻ input - Ví dụ

```
<html>
```

```
<body>
```

```
<form action="demo_form.asp">
```

Tên: **<input type="text" name="fullname"><br>**

Email: **<input type="text" name="email"><br>**

```
<input type="submit" value="Gửi">
```

```
</form>
```

```
</body>
```

```
</html>
```



# CSS Selector phần 2 - Độ ưu tiên



□ Thứ tự ưu tiên áp dụng định dạng khi sử dụng các loại CSS (độ ưu tiên giảm dần) :

1. Inline Style Sheet
2. Internal & Import Style Sheet
3. Linking Style Sheet
4. Browser Default



# CSS Selector phần 2 - Độ ưu tiên

```
CSS: #example p {  
    color: blue !important;  
}  
  
HTML: <div id="example">  
    <p style="color:green;">This paragraph has an inline style</p>  
</div>
```



Học lập trình trực tuyến tại [myclass.vn](http://myclass.vn)



# Một số selector trên thẻ

Selector	Ví dụ	Ý nghĩa của ví dụ
<u>:link</u>	a:link	Chọn tất cả liên kết chưa vào
<u>:visited</u>	a:visited	Chọn tất cả liên kết đã vào
<u>:active</u>	a:active	Chọn liên kết đang được kích hoạt
<u>:hover</u>	a:hover	Chọn liên kết đang được rê chuột vào
<u>:focus</u>	input:focus	Chọn thẻ input đang có con trỏ chuột

Học lập trình trực tuyến tại [myclass.vn](http://myclass.vn)

